

THAM LUẬN
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG
PHÁP LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH THI HÀNH ÁN LIÊN QUAN ĐẾN
HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH; KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

1. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi chung là Luật Hôn nhân và gia đình) được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19/6/2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015 là cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh chế độ hôn nhân và gia đình, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử giữa các thành viên gia đình, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, Nhà nước và xã hội trong việc xây dựng, củng cố chế độ hôn nhân và gia đình.

Qua 10 năm triển khai thực hiện, Luật Hôn nhân và gia đình đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong mối quan hệ hôn nhân và gia đình, khẳng định nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, bình đẳng giới đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Các quy định về chia tài sản chung, quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng đã được quy định cụ thể hơn, là cơ sở pháp lý vững chắc để cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án, cụ thể:

- Quy định về chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận (từ Điều 28 đến Điều 50): Trước đây (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) chỉ quy định chế độ tài sản theo luật định, khi ly hôn hoặc có nghĩa vụ thi hành án thì phải xác định lại đâu là tài sản chung, tài sản riêng, rất dễ phát sinh tranh chấp. Đến Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, lần đầu tiên ghi nhận chế độ tài sản theo thỏa thuận bên cạnh chế độ tài sản theo luật định; giúp vợ chồng chủ động trong quản lý, sử dụng tài sản, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng khi phát sinh tranh chấp, thuận lợi cho cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án.

- Để bảo vệ quyền lợi của con, đặc biệt là con chưa thành niên, tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn, giúp hạn chế tình trạng cha, mẹ né tránh nghĩa vụ, qua đó góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành các Bản án, quyết định của tòa án liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng, quyền nuôi con. Qua đó, số lượng vụ việc về hôn nhân và gia đình phải giải quyết bằng cưỡng chế thi hành án hoặc bị khiếu nại, tố cáo cũng được hạn chế.

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã mở rộng quyền tự do, tự nguyện trong hôn nhân, bảo đảm bình đẳng giới, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của con cái, hoàn thiện chế định tài sản, bổ sung cơ chế cho hôn nhân có yếu tố nước ngoài,

qua đó tác động tích cực đến hiệu quả thi hành án dân sự, góp phần xây dựng chế độ hôn nhân gia đình tiến bộ, bền vững hơn so với Luật Hôn nhân và gia đình trở về trước.

- Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và gia đình đã đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển, phù hợp với các điều ước quốc tế, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc giải quyết, thi hành các vụ việc hôn nhân và gia đình phức tạp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, việc giải quyết các vụ việc thi hành án liên quan đến xử lý tài sản chung vợ chồng đã đạt được những kết quả tích cực. Cụ thể, từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/7/2025, tổng số vụ việc cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản chung của vợ chồng: 79.211 việc tương ứng với số tiền: 7.565.777.820.952 đồng; số vụ việc cơ quan thi hành án dân sự đã thi hành xong: 61.128 việc tương ứng với số tiền: 5.065.038.817.042 đồng; số vụ việc cơ quan thi hành án dân sự còn phải thi hành: 18.075 việc tương ứng với số tiền 2.500.739.225.872 đồng.

2. NHỮNG BẤT CẬP CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CÓ TÁC ĐỘNG, LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình còn phát sinh một số bất cập, chồng chéo, cụ thể như sau:

2.1. Quy định mâu thuẫn, chồng chéo trong chính Luật Hôn nhân và gia đình; giữa Luật Hôn nhân và gia đình với các văn bản quy phạm pháp luật khác

** Mâu thuẫn, chồng chéo ngay trong Luật Hôn nhân và gia đình 2014:*

Về nghĩa vụ liên đới đối với tài sản chung: Điều 37 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”, Điều 30, 31, 32 quy định “*các giao dịch liên quan đến tài sản chung phải có sự thỏa thuận của cả hai vợ chồng*”. Do đó, dẫn đến mâu thuẫn nếu một bên tự ý giao dịch tài sản chung để “*đáp ứng nhu cầu thiết yếu*” thì vừa được coi là nghĩa vụ liên đới, vừa có thể bị coi là giao dịch vô hiệu khi không có sự đồng ý của bên kia.

Về chế độ tài sản vợ chồng: Tại Điều 28 đến Điều 50 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định 02 chế độ tài sản vợ chồng là chế độ theo pháp luật và chế độ theo thỏa thuận (trước hoặc trong hôn nhân). Nhưng hiện nay, Luật Hôn nhân và gia đình chưa quy định rõ hậu quả pháp lý nếu không đăng ký hoặc công chứng hợp đồng thỏa thuận tài sản, trong khi tại Điều 47 yêu cầu phải công chứng/chứng thực, dẫn đến gây khó khăn cho cơ quan thi hành án dân sự khi áp dụng.

** Mâu thuẫn, chồng chéo giữa Luật Hôn nhân và gia đình với các luật khác:*

(i) Với Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015:

Các mâu thuẫn, chồng chéo lớn nhất giữa Luật Hôn nhân và gia đình và BLDS năm 2015 tập trung ở việc xác định chế độ sở hữu chung (hợp nhất và theo phần), nghĩa vụ tài sản chung và liên đới, quyền định đoạt tài sản chung, cách xác định tài sản chung từ thu nhập, kinh doanh, cụ thể:

- Về chế độ sở hữu chung: Luật Hôn nhân và gia đình (Điều 33, Điều 37) quy định vợ chồng có tài sản chung theo chế độ sở hữu chung hợp nhất; khi thực hiện giao dịch về tài sản chung, phải có sự thỏa thuận của cả hai bên, còn BLDS năm 2015 (Điều 207, Điều 209, Điều 213) quy định phân biệt sở hữu chung theo phần và sở hữu chung hợp nhất; trong sở hữu chung theo phần, mỗi đồng chủ sở hữu có quyền định đoạt phần của mình. Như vậy, Luật Hôn nhân và gia đình mặc định chế độ sở hữu chung của vợ chồng là “sở hữu chung hợp nhất” nhưng vẫn cho phép chia phần khi ly hôn hoặc khi có một bên có nghĩa vụ dân sự riêng, không thống nhất với khái niệm “sở hữu chung theo phần” trong BLDS.

- Về quyền định đoạt tài sản chung: Luật Hôn nhân và gia đình (Điều 35) quy định việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận của cả hai vợ chồng, trừ một số trường hợp, còn BLDS 2015 (Điều 213, Điều 218) quy định đồng chủ sở hữu trong sở hữu chung hợp nhất có thể ủy quyền cho một người thực hiện quyền định đoạt. Như vậy, BLDS cho phép ủy quyền, còn Luật Hôn nhân và gia đình lại hạn chế và bắt buộc phải có sự đồng ý trực tiếp của cả hai, gây khó khi giao dịch tài sản chung là bất động sản hoặc tài sản lớn.

- Về tài sản hình thành từ thu nhập hợp pháp: Luật Hôn nhân và gia đình (Điều 33) quy định thu nhập từ lao động, sản xuất, kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân được coi là tài sản chung. BLDS năm 2015 (Điều 105, Điều 110) quy định về quyền sở hữu tài sản của cá nhân không phân biệt là trong hay ngoài hôn nhân. Do đó dẫn đến có sự mâu thuẫn: Một người tham gia hoạt động kinh doanh, theo BLDS thì tài sản thu được thuộc sở hữu của họ, nhưng theo Luật Hôn nhân và gia đình lại được coi là tài sản chung vợ chồng.

(ii) Với Luật Đất đai năm 2024

- Đối tượng đứng tên trên Giấy chứng nhận và khái niệm “hộ gia đình”: Luật Hôn nhân và gia đình quy định tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất nếu được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, đối với Luật Đất đai năm 2024 ghi nhận chủ thể sử dụng đất là hộ gia đình, nhưng không xác định rõ từng cá nhân trong hộ có bao gồm vợ chồng hay không. Khái niệm này trở nên mơ hồ khi chỉ vợ hoặc chồng đứng tên, dù thực chất tài sản thuộc sở hữu chung. Điều này gây khó khăn trong xác định chủ thể thi hành án hoặc phân chia tài sản khi ly hôn.

(iii) Với Luật Thi hành án dân sự

Luật Hôn nhân và gia đình (Điều 59, Điều 62) không quy định cụ thể thời hiệu yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn. Trong khi đó, Luật Thi hành án dân sự (Điều 30) quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn: vụ việc bản án ly hôn đã lâu, đương sự yêu cầu chia tài sản chung để thi hành nghĩa vụ, nhưng cơ quan thi hành án dân sự lại bị ràng buộc bởi thời hiệu yêu cầu thi hành án.

2.2. Quy định của Luật Hôn nhân và gia đình không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật

Quy định về thỏa thuận chế độ tài sản của vợ chồng (Điều 47 đến Điều 50 Luật Hôn nhân và gia đình): Luật cho phép vợ chồng được thỏa thuận chế độ tài sản trước hoặc trong hôn nhân, nhưng chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về hình thức, công chứng, đăng ký và hiệu lực đối với bên thứ ba. Điều này khiến việc áp dụng còn nhiều lúng túng, không thống nhất, ảnh hưởng đến việc xác định tài sản để thi hành án.

Quy định về công sức đóng góp (Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình) còn mang tính định tính, thiếu tiêu chí định lượng cụ thể, dẫn đến nhiều tranh chấp kéo dài. Các loại tài sản mới như tài sản số, tài sản hình thành trong tương lai, quyền tài sản gắn với công nghệ... chưa được điều chỉnh đầy đủ, gây khó khăn cho việc kê biên và xử lý trong thi hành án.

Quy định về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân (Điều 38, Điều 39 Luật Hôn nhân và gia đình): Luật cho phép chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng chưa quy định rõ cơ chế bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba (chủ nợ, người có quyền lợi liên quan). Do đó, trên thực tế có trường hợp vợ chồng lợi dụng quy định này để “tẩu tán tài sản” gây khó khăn cho công tác thi hành án.

2.3. Quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tạo gánh nặng chi phí tuân thủ, chưa có quy định hoặc có quy định nhưng chưa bảo đảm xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, gia đình Việt Nam

Về gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật: Một số thủ tục liên quan đến công chứng, chứng thực, đăng ký chế độ tài sản vợ chồng, khai sinh, thay đổi hộ tịch... còn rườm rà, làm phát sinh chi phí và thời gian cho người dân. Việc yêu cầu văn bản công chứng đối với mọi thỏa thuận về tài sản chung/riêng của vợ chồng trong nhiều trường hợp chưa thực sự cần thiết, gây tốn kém chi phí và phát sinh thủ tục hành chính.

Luật Hôn nhân và gia đình chưa thực sự kế thừa và phát huy truyền thống gia đình Việt Nam trong bối cảnh mới: Luật chưa có cơ chế khuyến khích, tôn vinh hoặc hỗ trợ các giá trị đạo đức, truyền thống gia đình tốt đẹp (hiếu nghĩa, trách nhiệm giữa các thế hệ).

Trong khi đó, nhiều vấn đề mới phát sinh như hôn nhân có yếu tố nước ngoài, hôn nhân đồng giới (chỉ mới dừng ở mức “không thừa nhận nhưng cũng không cấm”), chưa có giải pháp toàn diện để vừa bảo đảm quyền con người, vừa phù hợp với phong tục, văn hóa Việt Nam.

3. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Khó khăn trong việc xác định tài sản riêng – chung: Luật Hôn nhân và gia đình quy định nguyên tắc nhưng chưa hướng dẫn chi tiết việc phân định trong nhiều trường hợp phức tạp (tài sản hình thành từ thu nhập riêng nhưng đã nhập vào khối tài sản chung, nhờ người đứng tên tài sản...). Một trong những vấn đề phức tạp khi tổ chức thi hành án trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là tranh chấp về tài sản chung, đặc biệt là trong trường hợp chia tài sản chưa được đăng ký.

Khó khăn trong việc thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi con: Trong việc tổ chức thi hành án giao con, việc buộc giao con thường gặp nhiều khó khăn khi người phải thi hành án không ổn định nơi cư trú, thường xuyên thay đổi chỗ ở hoặc cố tình di chuyển sang nhiều địa phương khác. Việc này gây trở ngại lớn cho cơ quan THADS trong việc xác minh địa chỉ, tổ chức cưỡng chế và theo dõi quá trình thi hành án. Hệ quả là thời gian thi hành án bị kéo dài, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được giao nuôi con, đồng thời gia tăng áp lực cho Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành.

Khó khăn trong việc xác định tài sản để thi hành án: Trong trường hợp vợ, chồng có hành vi che giấu tài sản hoặc chuyển nhượng tài sản trước khi có quyết định thi hành án gây rất nhiều khó khăn cho công tác thi hành án dân sự.

3.2. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

** Nguyên nhân khách quan*

- Hệ thống pháp luật hiện hành còn tồn tại sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Hôn nhân và gia đình với một số văn bản pháp luật khác, dẫn đến cách hiểu và áp dụng thiếu thống nhất trong thực tiễn.

- Các quan hệ trong hôn nhân và gia đình mang nhiều đặc thù: các mối quan hệ đều gắn với nhân thân, mang tính xã hội và nhân văn sâu sắc; nó vừa phản ánh quan hệ gia đình trong xã hội hiện đại vừa chịu ảnh hưởng lớn của phong tục tập quán, yếu tố bản sắc dân tộc; nó vừa là quan hệ tự nhiên nhưng cũng vừa chịu tác

động nhiều bởi chính sách, chiến lược của Nhà nước về xây dựng và phát triển gia đình... Trong khi đó, nhiều quy định của Luật chưa bao quát được những đặc thù này dẫn tới làm phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Bối cảnh xã hội có sự thay đổi, nhiều vấn đề mới phát sinh (hôn nhân có yếu tố nước ngoài, hôn nhân đồng tính, mang thai hộ,...) chưa được dự liệu đầy đủ trong Luật Hôn nhân và gia đình.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế: Trong thực tiễn, các bên đương sự thường né tránh nghĩa vụ, không hợp tác khi giải quyết tranh chấp gây khó khăn cho cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình tổ chức thi hành án.

- Sự phối hợp giữa một số cơ quan trong quá trình triển khai thi hành Luật Hôn nhân và gia đình chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả.

4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN

Thi hành án có yếu tố nước ngoài: Ngày càng có nhiều vụ việc hôn nhân và gia đình liên quan đến yếu tố nước ngoài, nhất là trong các trường hợp ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, cấp dưỡng hoặc chia tài sản khi một bên cư trú, sinh sống ở nước ngoài. Việc tổ chức thi hành án trong các trường hợp này gặp rất nhiều khó khăn do hạn chế trong xác minh tài sản, việc ủy thác tư pháp kéo dài, đồng thời cơ chế phối hợp quốc tế chưa thực sự hiệu quả. Đặc biệt vấn đề song tịch, khác biệt pháp luật về chế độ tài sản vợ chồng giữa các nước gây khó khăn khi công nhận và thi hành bản án.

Hôn nhân đồng giới và quan hệ sống chung như vợ chồng: Luật Hôn nhân và gia đình chỉ quy định “không thừa nhận” hôn nhân giữa những người cùng giới tính nhưng không cấm việc chung sống. Thực tế phát sinh nhiều trường hợp các cặp đồng giới chung sống, mua tài sản, sinh con bằng biện pháp hỗ trợ sinh sản... nhưng khi có tranh chấp thì chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng để giải quyết.

Sự phát triển của công nghệ hỗ trợ sinh sản và các vấn đề pháp lý liên quan mang thai hộ vì mục đích nhân đạo: Luật đã có quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, tuy nhiên, việc triển khai thực tế còn đối mặt với nhiều thách thức như việc xác định đối tượng được mang thai hộ, thủ tục pháp lý, các vấn đề y tế, đạo đức, cũng như việc xử lý các trường hợp mang thai hộ vì mục đích thương mại hoặc các giao dịch ngầm. Các phương pháp hỗ trợ sinh sản khác như việc thụ tinh trong ống nghiệm (IVF), xin phôi... đặt ra các câu hỏi về xác định cha mẹ, nguồn gốc của đứa trẻ, quyền của người cho, tặng, cũng như quyền của đứa trẻ được biết về nguồn gốc sinh học của mình.

Vấn đề về tài sản vợ chồng trong bối cảnh kinh tế số xuất hiện nhiều tài sản mới: tiền ảo, tài sản số, tài khoản mạng xã hội có giá trị kinh tế, tài khoản thương mại điện tử... Luật chưa quy định rõ đây có phải tài sản chung vợ chồng hay không, cách thức định giá, phân chia, khó xác minh tài sản khi ly hôn: ví dụ ví điện tử, tiền điện tử, chứng khoán quốc tế. Thực tế có trường hợp tẩu tán tài sản qua hình thức chuyển khoản điện tử hoặc chuyển nhượng tài sản số cho bên thứ ba.

Quan hệ hôn nhân thực tế, không đăng ký kết hôn: Mặc dù pháp luật quy định nam nữ phải đăng ký kết hôn mới được công nhận là vợ chồng, nhưng trên thực tế, nhiều cặp đôi vẫn chung sống không đăng ký. Khi phát sinh tranh chấp về tài sản, con cái thì cơ quan thi hành án dân sự gặp khó khăn trong việc xác định tư cách pháp lý của các bên.

5. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP ĐỂ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, VƯƠN MẮC, BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH, HOÀN THIỆN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

5.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

- Sửa đổi, bổ sung Luật Hôn nhân và gia đình theo hướng:

Đồng bộ hóa với Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Thi hành án dân sự, đặc biệt về quy định chia tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, xác định tài sản chung, riêng trong trường hợp đầu tư, kinh doanh, chứng khoán, tiền điện tử... để khắc phục những mâu thuẫn, chồng chéo còn tồn tại hiện nay.

Bổ sung quy định điều chỉnh các quan hệ mới phát sinh: Hôn nhân đồng giới, sống chung như vợ chồng, mang thai hộ, sinh con nhờ kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, con lai, con nuôi có yếu tố nước ngoài; xác định quyền lợi của bên yếu thế trong ly hôn do bạo lực gia đình.

Bổ sung quy định chế tài trong trường hợp thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật (quy định cụ thể mức, phương thức, thời hạn và biện pháp cưỡng chế thi hành).

- Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành: Ban hành nghị định, thông tư hướng dẫn thống nhất về việc xác định tài sản chung – riêng, thỏa thuận tài sản vợ chồng, cưỡng chế giao con, thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng.

5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự

- Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan thi hành án dân sự với chính quyền địa phương, cơ quan công an, tổ chức xã hội và các ngành liên quan trong

việc xác minh điều kiện thi hành án, bảo vệ quyền lợi chính đáng của trẻ em, phụ nữ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử thống nhất phục vụ công tác xác minh nhân thân, nơi cư trú và tài sản của người phải thi hành án, nhất là các trường hợp có yếu tố nước ngoài.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tổ chức thi hành án, công khai thông tin thi hành án nhằm bảo đảm minh bạch, hạn chế khiếu nại, tố cáo.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho Chấp hành viên, đặc biệt về kỹ năng xử lý vụ việc có yếu tố nước ngoài, chia tài sản chung, giao con và nghĩa vụ cấp dưỡng.